

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2023

V/v “ly hôn giữa chị Liên  
và anh Khiêm”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Hoàng

2. Ông Trần Đăng Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa:** ông **Lê Quang Hường** - Kiểm sát viên.

Ngày 30-11-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/HNGĐ - QĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* chị **Trần Thị L**, sinh năm 1974.

*Bị đơn:* anh **Đỗ Phú K**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Đều ở địa chỉ: **thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.**

(chị **L** có đơn xin xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người khởi kiện chị **Trần Thị L** trình bày: Chị kết hôn với anh **K** là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở **UBND xã T, huyện H** vào ngày 26-02-1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi cọ nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 06-2005 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (TAND) **huyện H** giải quyết cho chị được ly hôn anh **K**. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Đỗ Thị Tâm A**, sinh năm 2001 và **Đỗ Thị Huyền A1**, sinh năm 2004. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành và

tự lập về kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng con. Về chia tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2023 ông **Đỗ Phú N**, sinh năm 1951, trú tại **thôn D, xã T, huyện H** (là bố đẻ của anh **K**) trình bày: Anh **K** kết hôn với chị **L** do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở **UBND xã T, huyện H** vào tháng 02/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Nay chị **L** xin ly hôn, anh **K** xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh **K** đồng ý ly hôn với chị **L**. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Đỗ Thị Tâm A**, sinh năm 2001 và **Đỗ Thị Huyền A1**, sinh năm 2004. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng con. Về chia tài sản chung: không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh **K** đang làm ăn ở tỉnh Bình Dương, thỉnh thoảng anh **K** vẫn về gia đình, anh **K** không có địa chỉ cụ thể, anh **K** thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, anh **K** đã nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng anh **K** ở xa không về Tòa án để giải quyết vụ án, anh **K** đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Chị **L** đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh **K** chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh **K** vắng mặt tại địa phương Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa chị **L** và anh **K**; về nuôi con chung: 02 con chung đều đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, không đặt ra giải quyết; về chia tài sản chung: Chưa giải quyết; về án phí: chị **L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:*

[2] Về tố tụng: Chị **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **K** ở **thôn D, xã T, huyện H**, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Hiện nay anh **K** đã biết

TAND huyện Hưng Hà đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị **L** với anh, nhưng anh không về Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, TAND huyện Hưng Hà mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh **K** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Chị **Liên kết h** với anh **K** là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở **UBND xã T, huyện H** vào ngày 26-02-1999, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tình tính không hợp, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, sống ly thân từ tháng 6/2005 đến nay, chị **L**, anh **K** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy chị **L** và anh **K** mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho ly hôn giữa chị **L** và anh **K**, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị **L**, anh **K** có 02 con chung là **Đỗ Thị Tâm A**, sinh năm 2001 và **Đỗ Thị Huyền A1**, sinh năm 2004. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về chia tài sản chung*: Mặc dù chị **L** và ông **N** (bố anh **K**) đều trình bày không có tài sản chung, không đề nghị tòa án giải quyết nhưng do chưa có ý kiến trực tiếp của anh **K** nên Tòa án chưa xem xét giải quyết. Các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản bằng vụ kiện dân sự khác (nếu có).

[6] *Về án phí*: Chị **L** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Từ các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị **Trần Thị L** và anh **Đỗ Phú K**.

2. *Về nuôi con chung*: Chị **L**, anh **K** có 02 con chung là **Đỗ Thị Tâm A**, sinh năm 2001 và **Đỗ Thị Huyền A1**, sinh năm 2004. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, không xem xét giải quyết.

3. *Về chia tài sản chung*: Chưa giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị **L** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **L** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004350 ngày 10-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, chị **L** đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **L**, anh **K** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Nhàn**